

Số: 02/2024/QĐST-DS

Quảng Bình, ngày 23 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 157, 212, 213 và 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc, các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 04/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024,

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nguyên đơn rút yêu cầu.**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1946; nơi cư trú: Nguyễn Hữu H, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Phúc L; nơi cư trú: 17 Nguyễn Hữu H, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H và ông Hoàng Kiến A - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Hoàng Xuân T và cộng sự; địa chỉ: Lô B3, khu quy hoạch T, phường A, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1946; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Trương Thị D, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 100/73/7 đường 3, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

- Bà Trương Thị Y, sinh năm 1939; nơi cư trú: 12/2 Nguyễn Hữu T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Phúc L, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 17 Nguyễn Hữu H, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

- Ông Trương Hồng N (tên gọi khác: Trương Đình B), sinh năm 1950; nơi cư trú: thôn G, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Phúc L, sinh năm 1971; nơi cư trú: số 17 Nguyễn Hữu H, phường Tây Lộc, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

- Bà Trương Thị L, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Trương Đình C, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- Bà Trương Thị D, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 100/73/7 đường 3, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trương Thị D1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 490A Nguyễn Văn K, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trương Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 164/84/47 Phan Huy Ích, phường 12, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân huyện Q; địa chỉ: thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ngọc T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q.

### **3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*3.1. Xác định di sản thừa kế, người thừa kế và thoả thuận phân chia di sản thừa kế:*

- Di sản thừa kế mà ông Trương Đình K và bà Lê Thị H để lại là thửa đất số 288, tờ bản đồ số 02 có diện tích 744m<sup>2</sup> tại xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 160640 ngày 06/5/1992 mang tên ông Trương Đình H.

Theo kết quả đo đạc hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tại xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đến năm 2022, thửa đất nói trên được đổi thành thửa đất số 46, tờ bản đồ số 9 có diện tích 811,2m<sup>2</sup> đứng tên bà Nguyễn Thị S (nhưng bà Siêu chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này). Diện tích đất sử dụng theo kết quả đo đạc năm 2022 biên động tăng lên so với lần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu là 67,2m<sup>2</sup>, phần diện tích đất biên động tăng lên vẫn nằm trong khuôn viên thửa đất, không lấn chiếm, không có tranh chấp với ai. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo vẽ kèm theo thì thửa đất có diện tích 805,5m<sup>2</sup> do cắt góc ở các vị trí tiếp giáp với đường giao thông.

- Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế nói trên là bà Trương Thị Kim L, bà Trương Thị Y, ông Trương Hồng N (tên gọi khác: Trương Đình B), ông Trương Đình H (do ông H đã chết năm 2010 nên các đồng thừa kế của ông H sẽ là bà Nguyễn Thị S - vợ ông H và các con là Trương Đình C, Trương Thị D, Trương Thị D1, Trương Thị H)

- Các đương sự thoả thuận trị giá thửa đất là 107.616.000 đồng (một trăm linh bảy triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng). Trong đó diện tích đất ở 200m<sup>2</sup> trị giá 45.600.000 đồng (bốn mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng), diện tích đất vườn còn

lại 605,5m<sup>2</sup> trị giá 62.016.000 đồng (sáu mươi hai triệu không trăm mười sáu nghìn đồng).

- Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 46, tờ bản đồ số 9 có diện tích thực tế 805,5m<sup>2</sup> tại thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình thành 03 phần theo thứ tự như sau:

+ Phần thứ nhất (ký hiệu 46 - 1) được chia cho ông Trương Hồng N (tên gọi khác: Trương Đình B) sử dụng có diện tích 143,35m<sup>2</sup>, trong đó đất ở: 65m<sup>2</sup>, đất vườn: 78,35m<sup>2</sup> (có các cạnh và vị trí tiếp giáp theo sơ đồ thửa đất kèm theo).

Trị giá phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất mà ông Trương Hồng N (tên gọi khác: Trương Đình B) được hưởng là: 23.752.000 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

+ Phần thứ hai (ký hiệu 46 - 2) được chia cho các đồng thừa kế của ông Trương Đình H là bà Nguyễn Thị S (vợ ông H) và các con của ông H là chị Trương Thị L, anh Trương Đình C, chị Trương Thị D, chị Trương Thị D1 và chị Trương Thị H sử dụng có diện tích 422,19m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 70m<sup>2</sup>, đất vườn 352,19m<sup>2</sup> (có sơ đồ thửa đất kèm theo). Gắn liền với phần đất này có 01 ngôi nhà cấp 4 bà Siêu đang sử dụng nhưng các đương sự không đề nghị giải quyết.

Trị giá phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất mà các đồng thừa kế của ông Trương Đình H được hưởng là 56.110.000 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm mười nghìn đồng)

Các đồng thừa kế là Chị Trương Thị L, anh Trương Đình C, chị Trương Thị D, chị Trương Thị D1 và chị Trương Thị H từ chối nhận kỹ phần thừa kế của mình và thống nhất giao lại cho bà Nguyễn Thị S sử dụng toàn bộ phần di sản thừa kế của ông Trương Đình H.

+ Phần thứ ba (ký hiệu 46 - 3) được chia cho bà Trương Thị Kim L và bà Trương Thị Y cùng sử dụng chung, có diện tích: 240m<sup>2</sup>, trong đó đất ở 65m<sup>2</sup>, đất vườn 175m<sup>2</sup> (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Trị giá phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất mà bà Trương Thị Kim L và bà Trương Thị Y được hưởng là 34.770.000 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Các đương sự thỏa thuận không yêu cầu bù đắp giá trị chênh lệch trên kỹ phần thừa kế được nhận.

### *3.2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí xem xét, thẩm định: Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mỗi bên chịu 1/2 chi phí xem xét thẩm định bằng số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), các bên đã nộp xong để thực hiện việc thẩm định, xem xét tại chỗ.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Diệu**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN**  
**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 09 tháng 6 năm 2022

Tại Trụ sở TAND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Người giao: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh: Thẩm phán TAND thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Người nhận: Công ty cổ phần Công nghiệp Đồng Tâm Quảng Bình, địa chỉ: Khu công nghiệp Tây Bắc, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Sỹ Lâm, sinh năm 1984, chức vụ: Giám đốc Công ty

Là bị đơn trong vụ án dân sự thụ lý số 133/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Hai bên đã tiến hành giao nhận Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số /2022/QĐST-DS ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Biên bản kết thúc vào lúc 09 giờ 35 phút cùng ngày.

NGƯỜI GIAO

NGƯỜI NHẬN

**Mai Thị Mỹ Hạnh**



**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đồng Hới, ngày 17 tháng 01 năm 2022*

**BIÊN BẢN  
GHI NHẬN SỰ TỰ NGUYỆN LY HÔN  
VÀ HÒA GIẢI THÀNH**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 của bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 17 tháng 01 năm 2022;

Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021

Lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn Thành và chị Đinh Nữ Tố Hằng thuận tình ly hôn.

2. *Về quan hệ con chung:* Anh Trần Văn Thành và chị Đinh Nữ Tố Hằng thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung, gồm: cháu Trần Văn Gia Hưng, sinh ngày 27/6/2017 và cháu Trần Ngọc An Chi, sinh ngày 27/4/2020. Sau khi ly hôn, anh Thành và chị Hằng thỏa thuận giao cháu Hưng và cháu Chi cho chị Hằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Thành có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi cháu Trần Văn Gia Hưng đủ 18 tuổi.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Anh Trần Văn Thành và chị Đinh Nữ Tố Hằng thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có các khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Trần Văn Thành và chị Đinh Nữ Tố Hằng mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Về án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ anh Thành phải chịu 150.000 đồng. Hai bên thỏa thuận anh Thành nộp thay số tiền án phí trên cho chị Hằng.

Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên đây, thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, nếu không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó, thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**CÁC ĐƯƠNG SỰ  
THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI**

**THƯ KÝ TÒA ÁN  
GHI BIÊN BẢN HÒA GIẢI**

**THẨM PHÁN CHỦ TRÌ  
PHIÊN HÒA GIẢI**

**Lê Thị Tuyết Nga**

**Mai Thị Mỹ Hạnh**